



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI**

=====o0o=====

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI**



TUYÊN QUANG, NĂM 2018

MỤC LỤC

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY	6
I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY	6
1. Thông tin cơ bản:.....	6
2. Ngành nghề kinh doanh:.....	6
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.....	7
5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016.	11
6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	14
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	15
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	16
1. Tình hình sử dụng tài sản, đất đai.....	16
2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty	18
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	19
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI.....	21
1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty	21
2. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.	23
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	25
4. Phương thức chào bán cổ phần.....	26
5. Dự toán chi phí cổ phần hóa.....	29
6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần	30
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	31
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA	33
1. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng.....	33
2. Diện tích đất giữ lại sử dụng	34
3. Diện tích đất trả lại địa phương	34
4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.....	35
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA	35

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ hội và thách thức	36
2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.....	36
3. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	39
4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.....	39
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	43
1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt	43
2. Đề xuất, kiến nghị.....	43
PHẦN VII: KẾT LUẬN.....	44

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ

Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý hiện tại của công ty:..... 8

Sơ đồ số 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa24

Bảng biểu

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa..... 6

Bảng số 2: Doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa..... 11

Bảng số 3. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty..... 12

Bảng số 4. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2014-2016..... 12

Bảng số 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016..... 14

Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 17

Bảng số 7: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2016..... 18

Bảng số 8: Phân loại lao động của Doanh nghiệp 18

Bảng số 9: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016 19

Bảng số 10: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa 24

Bảng số 11: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa..... 25

Bảng số 12: Dự toán chi phí cổ phần hóa 29

Bảng số 13: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần..... 30

Bảng số 14: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa..... 32

Bảng số 15: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần..... 32

Bảng số 16: Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng..... 33

Bảng số 17: Diện tích đất giữ lại sử dụng 34

Bảng số 18: Diện tích đất trả lại địa phương 34

Bảng số 19: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất..... 35

Bảng số 20: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần 38

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

HỆ THỐNG TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
Công ty	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
CPH	Cổ phần hóa
ĐMDN	Đổi mới doanh nghiệp
DN	Doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị Doanh nghiệp
HĐLĐ	Hợp đồng lao động

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin cơ bản:

Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI**

Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI**

Trụ sở chính : Xóm Dân Chủ, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại : 02073.878.203

Email : ctylnnguyenvantroi@gmail.com

Mã số thuế : 5000155997

Vốn điều lệ : 7.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ đồng*)

Hình thức doanh nghiệp : Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đại diện chủ sở hữu là UBND Tỉnh Tuyên Quang

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000155997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 16/04/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/09/2014).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000155997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 16/04/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/09/2014 như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210 (chính)
2	Ươm giống cây lâm nghiệp	02101
3	Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp	0221
4	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1622
6	Sản xuất bao bì từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1623
7	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
8	Tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán công trình lâm sinh (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

STT	Tên ngành	Mã ngành
		ngành kinh tế Việt Nam

Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng, ươm giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;

Địa bàn hoạt động:

Công ty sản xuất kinh doanh trên địa bàn 02 xã (xã Đội Cấn, xã Thái Long) thuộc thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và 08 xã (xã Đội Bình, xã Chân Sơn, xã Trung Môn, xã Lang Quán, xã Hoàng Khai, xã Phú Lâm, xã Mỹ Bằng, xã Kim Phú) thuộc địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi tiền thân là Lâm trường Nguyễn Văn Trỗi thành lập tại quyết định số: 92/QĐ-UB ngày 19 tháng 3 năm 1993 của UBND tỉnh Tuyên Quang là Ban quản lý dự án của chương trình 327. Nhiệm vụ: Vận động, tổ chức thực hiện trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc các xã ven quốc lộ 2 nam huyện Yên Sơn.

Năm 1997 tiếp nhận bàn giao nguyên canh, nguyên cư 03 đội sản xuất từ Lâm trường Tuyên Bình theo quyết định số: 325/QĐ-UB của UBND tỉnh ngày 26/04/1997 gồm các đội Trung Môn, Kỳ Lãm, Mỹ Lâm trong đó phần đất quy hoạch: 1.741,5 ha và 70 CBCNV.

Ngày 01/10/1998, Quyết định số 852/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước: Lâm trường Nguyễn Văn Trỗi.

Ngày 07/11/2008, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 628/QĐ-UB về việc chuyển đổi Lâm trường Nguyễn Văn Trỗi thành Công ty Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

Ngày 09/3/2012, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 176/QĐ-CT, của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên quang về việc chuyển Công ty Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

4. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty

4.1. Tổ chức bộ máy doanh nghiệp:

- Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp : 45 người, trong đó:
 - + Chủ tịch kiêm Giám đốc: 01 người.
 - + Phó Giám đốc: 01 người.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- + Kế toán trưởng: 01 người
- + Lao động Hợp đồng không xác định thời hạn: 41 người
- + Loại hợp đồng xác định thời hạn: 24 tháng: 01 người
- Bộ máy công ty gồm:
- + Các phòng ban gồm 03 phòng: Tổ chức hành chính; Kế toán, Kế hoạch - Kỹ thuật
- + Đội sản xuất gồm 03 Đội: Đội SXLN Trung môn, Mỹ Lâm, Kỳ Lãm

4.2. Tổ chức cơ sở Đảng:

Chi bộ Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là Chi bộ thuộc Đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh, Với tổng số đảng viên là 14 đồng chí.

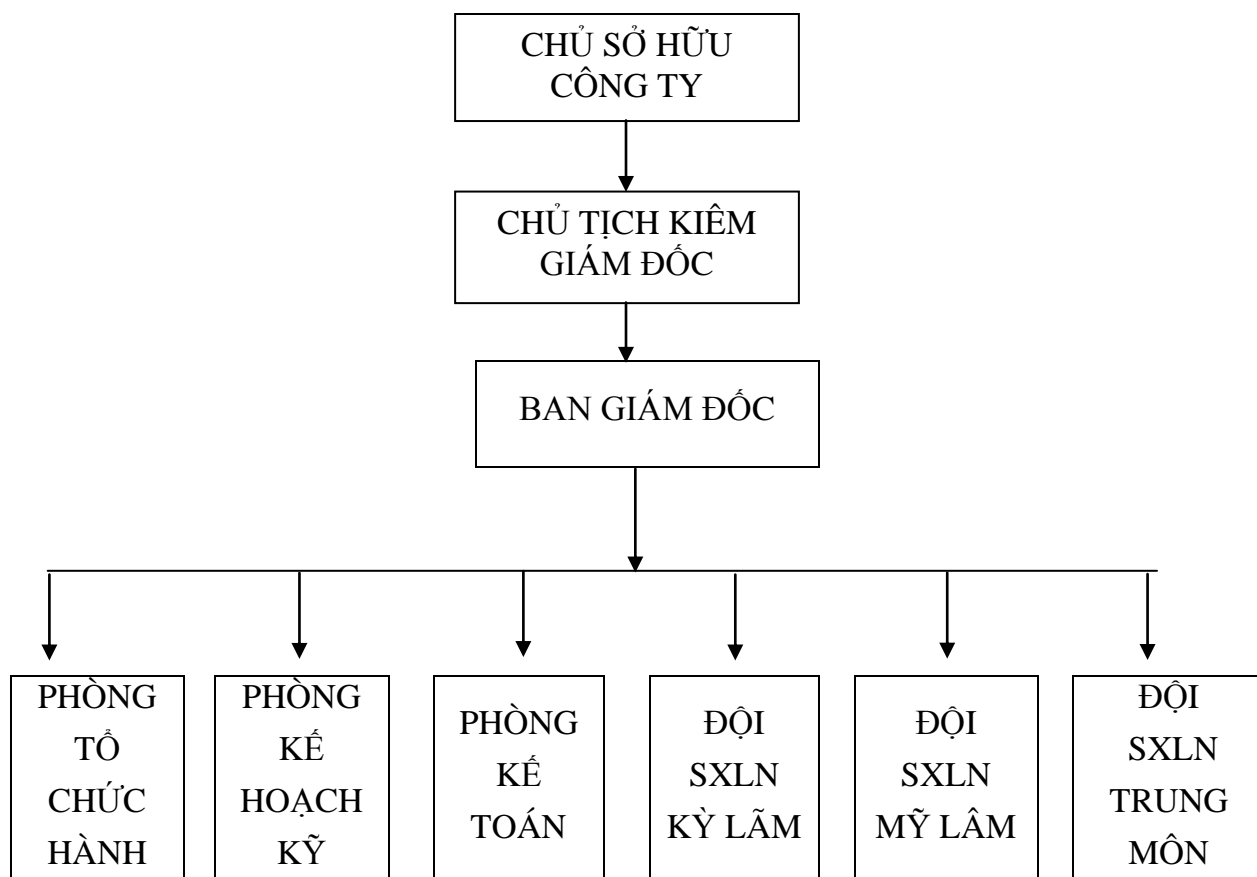
4.3. Tổ chức Đoàn thể:

- Tổ chức công đoàn: Công đoàn Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Yên Sơn với tổng số 41 đoàn viên, gồm 04 Tổ công đoàn trực thuộc.
- Tổ chức Đoàn thanh niên: Đoàn thanh niên Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi có 16 đoàn viên trực thuộc đoàn khối doanh nghiệp tỉnh.

4.4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy.

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi trước khi cổ phần hóa như sau:

Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức, quản lý hiện tại của công ty:



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

CHÍNH

THUẬT

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

4.5. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể

Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty

Chủ tịch kiêm Giám đốc là người lãnh đạo và điều hành chung toàn công ty, nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở công ty, có quyền nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo quy định tại điều lệ Công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ Công ty, biên chế bộ máy quản lý;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty; ...

Phó Giám đốc

Là người giúp Giám đốc công ty điều hành một số lĩnh vực quản lý hoạt động kinh doanh của công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền; những công việc vượt quá thẩm quyền thì báo cáo đề xuất xin ý kiến Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty quyết định.

Phòng Kế hoạch- kỹ thuật:

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc và phó giám đốc về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý và chỉ đạo công tác kỹ thuật khâu gieo ươm, thiết kế trồng, chăm sóc, bảo vệ, tỉa thưa rừng, khai thác tiêu thụ sản phẩm
- Quản lý hồ sơ, hợp đồng kinh tế, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật gieo ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, khai thác tiêu thụ sản phẩm; nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu các chương trình trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng và sản phẩm khai thác rừng.
- Xây dựng phương án vay vốn của các tổ chức tín dụng phục vụ nhu cầu sản xuất của công ty hàng năm.
- Nắm vững và quản lý diện tích rừng, biến động tăng hoặc giảm diện tích rừng. Thường xuyên phản ánh kịp thời với giám đốc về diễn biến rừng.
- Tổ chức thiết kế trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng, khai thác, tía thưa rừng trồng, tham mưu với Ban giám đốc về công tác quy hoạch và quản lý đất đai.
- Xác định chính xác vị trí, diện tích lô thiết kế trên bản đồ địa hình và thực địa.
- Điều tra đầy đủ các yếu tố khảo sát tự nhiên và đề xuất biện pháp kinh doanh cho khu thiết kế.
- Lập dự toán lâm sinh, đề xuất cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa khu thiết kế, trình Giám đốc phê duyệt.
- Đối với thiết kế khai thác, tía thưa rừng trồng.
 - Xác định chính xác diện tích và tình hình cây đứng, đặc điểm địa hình, điều kiện sản xuất của khu khai thác.
 - Đề xuất phương thức khai thác và cường độ khai thác của lô thiết kế.
 - Lập hồ sơ phương án khai thác đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty trực tiếp phân công

Phòng Kế toán:

- Hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh của công ty hàng năm theo quy định
 - Xây dựng quy chế trả lương, trả thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ của công ty
 - Thực hiện tính toán để chi trả lương cho người lao động
 - Lập đầy đủ, đúng hạn báo cáo thống kê và quyết toán của doanh nghiệp theo quy định. Bảo quản và giữ bí mật của tài liệu kế toán theo quy định.
 - Tham mưu đề xuất với lãnh đạo xử lý các vấn đề tồn tại về tài chính và tài sản của doanh nghiệp.
 - Tính toán và trích nộp đúng, đủ kịp thời các khoản thuế phải nộp, các khoản nợ phải trả
 - Tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản hàng năm, thanh toán các hợp đồng kinh tế.
 - Thực hiện một số nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty trực tiếp phân công
-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Phòng tổ chức hành chính:

- Giúp việc Ban Giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty. Quản lý hồ sơ, lý lịch, thủ tục giải quyết về chế độ tuyển dụng, cho thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, nghi chế độ, BHXH, BHYT, Bảo hộ lao động, thi hoặc xét nâng lương của cán bộ và người lao động trong Công ty theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác quy hoạch cán bộ, quyết định đề bạt và phân công, điều hành cán bộ, người lao động trong Công ty. Quản lý lao động, tiền lương, xây dựng định mức lao động, tổng quỹ tiền lương trong Công ty.
- Trực tiếp quản lý, theo dõi công tác hành chính của cơ quan bao gồm công tác phục vụ hành chính, tiếp khách, hội họp, phục vụ; Quản lý công văn giấy tờ, sổ sách hành chính, con dấu, lưu trữ tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban lãnh đạo.
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do lãnh đạo công ty trực tiếp phân công.

Các đội sản xuất trong công ty:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và đất rừng theo kế hoạch công ty giao
- Tổ chức nghiệm thu công đoạn theo đúng quy định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về tài sản rừng và đất rừng thuộc phạm vi quản lý của đội sản xuất.

5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016.

Được sự đồng ý của UBND tỉnh Tuyên Quang, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi tiến hành thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển vốn rừng; đầu tư kinh doanh trồng rừng; sản xuất kinh doanh lâm, nông nghiệp kết hợp khai thác gỗ và lâm sản ... tại các địa bàn được giao.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua đạt được những kết quả thể hiện doanh thu năm sau cao hơn năm trước:

5.1. Doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa

Bảng số 2: Doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng	7.286	90,16	11.128	98,82	15.447	99,44

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

	và cung cấp dịch vụ						
2	Hoạt động tài chính	195	2,41	110	0,98	58	0,37
3	Thu nhập khác	600	7,43	23	0,20	30	0,19
	Tổng cộng	8.081	100	11.261	100	15.535	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

5.2. Nguyên vật liệu

- Nguyên nhiên vật liệu chính trong quá trình hoạt động SXKD của công ty là cây giống và phân bón.
- + Cây giống: với mục tiêu cung cấp đủ cây giống có chất lượng tốt, phong phú về chủng loại để thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh, Công ty đã và đang triển khai thực hiện tự túc cung cấp nguồn cây giống đồng thời thiết lập mối quan hệ khách hàng gắn bó với các cơ sở cung ứng hạt/ cây giống có uy tín trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, có phẩm chất di truyền phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Tuyên Quang.
- + Phân bón: phân bón NPK, đạm, lân, thuốc trừ sâu, công ty mua ngoài của đơn vị cung cấp uy tín, có thương hiệu, đồng thời, Công ty dần thay thế bằng các loại phân hữu cơ (phụ phẩm từ hoạt động chăn nuôi dưới tán cây). Đây là bước đi đúng đắn, giúp cải tạo và nâng cao chất lượng của đất trồng,
- + Nguyên nhiên liệu khác: Xăng, dầu, túi bầu (để ươm giống cây), than...
- Nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu: trong nước.

Bảng số 3. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, nguyên liệu cung cấp
1	Công ty CP đầu tư thương mại Bình Nguyên	Phân NPK
2	Công ty CP giống vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang	Phân NPK

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

5.3. Chi phí sản xuất

Đối với Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu quan trọng nhất, do đó vấn đề tiết kiệm các chi phí đang hết sức được coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm 2014, 2015, 2016 như sau:

Bảng số 4. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2014-2016

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
----	----------------	----------	----------	----------

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	4.455	61,14%	6.700	60,21%	8.873	57,44%
2	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.846	25,34%	2.757	24,78%	2.623	16,98%
4	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
5	Chi phí khác	5	0,07%	-	-	1.051	6,80%
Tổng cộng chi phí		6.306	86,55%	9.457	84,99%	12.547	81,23%
Doanh thu thuần		7.286	100%	11.128	100%	15.447	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

5.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, sản phẩm chính của công ty là sản phẩm gỗ rừng trồng, giống cây lâm nghiệp... Sản phẩm cung cấp cho các đơn vị, đối tác và phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn hoạt động là chính, chưa có những sản phẩm mang tính chất xuất khẩu, sản phẩm chế biến theo nhu cầu của khách hàng, đối tác nên công ty chưa có phát triển những sản phẩm mới trong hoạt động kinh doanh.

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng, sản phẩm dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: do đặc thù ngành nghề kinh doanh là nông, lâm nghiệp Công ty chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mà áp dụng riêng cho từng loại hình sản phẩm.

- Đối với các sản phẩm lâm sinh áp dụng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Đối với sản phẩm gỗ chế biến chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty: các sản phẩm lâm sinh do Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật chịu trách nhiệm việc kiểm tra chất lượng sản phẩm do công ty cung cấp

5.6. Hoạt động marketing

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, chủng loại sản phẩm và khối lượng sản phẩm sản xuất hàng năm không lớn, Công ty không xuất khẩu trực tiếp nên hoạt động marketing chủ yếu là chào hàng trực tiếp tới các khách hàng trong nước. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai Marketing. Hoạt động giới thiệu sản phẩm thường thông qua sự giới thiệu của các cấp quản lý và các khách hàng truyền thống và thông qua các kênh gián tiếp khác như thông tin cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong tỉnh

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

để có thông tin chung về giá cả và thị trường

5.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực trồng và khai thác rừng, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhân hiệu riêng.

5.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Là một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp sản phẩm gỗ cho các doanh nghiệp chế biến, sản xuất đồ gỗ, giấy, bao bì, bán buôn tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến... do đó các hợp đồng lớn của Công ty chủ yếu là cung cấp gỗ rừng trồng. Các đối tác của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp, công ty chế biến, và sản xuất giấy.

5.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016

Bảng số 5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	20.468	17.353	21.719
2. Vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán	Tr. đồng	8.518	8.885	10.504
3. Nợ vay ngắn hạn	Tr. đồng	10.887	7.905	10.965
4. Nợ vay dài hạn	Tr. đồng	750	250	250
5. Tổng số lao động	Người	56	52	48
6. Tổng quỹ lương	Tr. đồng	5.444	4.977	5.409
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	8	8	9,5
8. Tổng doanh thu	Tr. đồng	8.081	11.261	15.535
9. Tổng chi phí	Tr. đồng	6.306	9.457	12.547
10. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.776	1.805	2.989
11. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.420	1.444	2.330
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	16,67%	16,25%	22,18%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, các ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của công ty. Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết thống nhất, tự giác trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ

tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Quản lý Nhà nước về trồng rừng liên doanh, khai thác và vận chuyển lâm sản gỗ rừng trồng thông thoáng, thuận lợi.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu tại địa phương, công ty có đội ngũ lao động lành nghề, nguồn khách hàng tiêu thụ ổn định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo

6.2. Khó khăn

Khó khăn đặc thù SXKD của nghề lâm nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu biến đổi, sâu bệnh, tài sản phân bố rộng, phân tán trên địa hình đồi núi phức tạp, việc quản lý gặp nhiều khó khăn nhất là công tác bảo vệ rừng luôn diễn biến phức tạp ở nhiều thời điểm, nhiều nơi.

Chăm sóc rừng yêu cầu kỹ thuật theo đúng thời vụ nên nhiều hộ gia đình trồng rừng liên doanh chưa chăm sóc kịp thời nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng rừng trồng.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn 02 xã (xã Đội Cấn, xã Thái Long) thuộc thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và 08 xã (xã Đội Bình, xã Chân Sơn, xã Trung Môn, xã Lang Quán, xã Hoàng Khai, xã Phú Lâm, xã Mỹ Bằng, xã Kim Phú) thuộc địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trong những năm gần đây, nhiệm vụ của công ty là quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất lâm nghiệp, hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Góp phần vào việc nâng cao độ che phủ của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng cường vai trò chức năng phòng hộ, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiệt hại do thiên tai và lũ bão gây ra, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo việc làm cho cán bộ công nhân viên công ty và người dân trong vùng, điều hòa nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Xét về quy mô, năng suất lao động, sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, trình độ quản lý, sản xuất, số lượng người lao động và quy mô vốn thì vị thế của công ty khá tương đồng với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tăng cường quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, hoàn thành mục tiêu nâng độ che phủ rừng, gắn với phòng hộ đầu

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái, khu dân cư, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ phát triển rừng với công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và dịch vụ du lịch sinh thái.

Tiếp tục sắp xếp đổi mới Công ty lâm nghiệp nhằm góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh vùng biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới..

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Qua vị trí, nhiệm vụ chức năng của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi và định hướng phát triển ngành lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 và các năm tiếp theo là phù hợp, thuận lợi cho việc sản xuất gắn liền với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, chế biến lâm sản, sản phẩm công ty sản xuất ra tiêu thụ được ngay, giá thành hợp lý. Đây là yếu tố thuận lợi giúp công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.

Tổ chức quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tình hình sử dụng tài sản, đất đai

1.1. Tình hình sử dụng đất

Hiện nay, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đang quản lý và sử dụng các Khu đất theo thông tin sau:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Trong đó (ha)			
				SD đúng mục đích	SD không đúng mục	Không sử dụng	Đang giao khoán, cho

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

					đích		thuê, mượn, liên doanh và đang có tranh chấp
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	1.333,58	100,00	836,68	181,87	52,61	262,42
1	Đất nông nghiệp	1.328,69	99,63	835,97	181,87	51,57	259,28
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	0,88	-	-	0,52	11,15
1.1.1	Đất trồng lúa	0,90	0,07	-	-	-	0,90
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,77	0,81	-	-	0,52	10,25
1.2	Đất trồng cây lâu năm	257,30	19,29	-	181,87	51,02	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	1.058,04	79,34	834,53	-	-	223,51
1.3.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	51,70	3,88	51,70	-	-	-
1.3.2	Đất có rừng trồng sản xuất	1.005,82	75,42	782,31	-	-	223,51
1.3.3	Đất trồng rừng sản xuất	0,52	0,04	0,52	-	-	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	0,02	-	-	-	0,24
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,44	0,11	1,44	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	4,89	0,37	0,71	-	1,04	3,14
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,65	0,12	0,71	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	0,01	-	-	0,10	-

1.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2016 như sau:

Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị: triệu đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	1.990	648	2.012	1.156
I	Tài sản cố định hữu hình	1.920	588	1.942	1.096

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1	Nhà, vật kiến trúc	1.211	419	1.233	700
2	Máy móc thiết bị	53,0	35,33	53,0	35,33
3	Phương tiện vận tải	656	134	656	361
II	Tài sản cố định vô hình	70	60	70	60
TỔNG CỘNG		1.990	648,33	2.012	1.156,33

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

1.3. Tình hình về tài chính công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

Bảng số 7: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

❖ Vốn chủ sở hữu	10.504
Trong đó:	
- Vốn góp của chủ sở hữu	7.919
- Quỹ đầu tư phát triển	2.274
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	311
❖ Các khoản phải thu	1.596
- Phải thu ngắn hạn	1.596
- Phải thu dài hạn	-
❖ Nợ phải trả	11.215
- Nợ ngắn hạn	10.965
- Nợ dài hạn	250

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty)

2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2016) là **45 người**. Phân loại lao động của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 8: Phân loại lao động của Doanh nghiệp

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	45	100%
1	Trên Đại học	1	2,22%

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2	Đại học	13	28,90%
3	Sơ cấp	1	2,22%
4	Trung cấp	2	4,44%
5	Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	28	62,22%
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	45	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	6,67%
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	41	91,11%
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	1	2,22%
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	-	-
III	Phân loại theo giới tính	45	100%
1	Nam	32	71,11%
2	Nữ	13	28,89%

(Nguồn: Phương án lao động Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp xác định lại tại thời điểm 31/12/2016: 29.721.834.331 đồng. Trong đó:

- Nợ phải trả : 11.215.484.442 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp : 18.506.349.889 đồng

Bảng số 9: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	21.719.091.538	29.721.834.331	8.002.742.793
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	987.650.120	1.562.889.341	575.239.221
1	Tài sản cố định	648.456.718	1.155.926.244	507.469.526
a	TSCĐ hữu hình	588.456.718	1.095.926.244	507.469.526
-	Nhà, vật kiến trúc	418.644.102	700.020.336	281.376.234
-	Máy móc thiết bị	35.333.333	35.333.333	-
-	Phương tiện vận tải	134.479.283	360.572.575	226.093.292
b	TSCĐ vô hình	60.000.000	60.000.000	-
2	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
-	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	339.193.402	339.193.402	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4	Tài sản dài hạn khác	-	67.769.696	67.769.696
-	Chi phí trả trước dài hạn	-	67.769.696	67.769.696
-	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	20.731.441.418	26.535.537.325	5.804.095.907
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.020.335.743	6.020.335.743	-
-	Tiền mặt tồn quỹ	1.183.165.552	1.183.165.552	-
-	Tiền gửi ngân hàng	4.837.170.191	4.837.170.191	-
-	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	1.596.479.351	1.596.479.351	-
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	176.840.518	176.840.518	-
-	Trả trước cho người bán ngắn hạn	211.151.800	211.151.800	-
-	Phải thu ngắn hạn khác	1.208.487.033	1.208.487.033	-
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	12.643.225.524	18.447.321.431	5.804.095.907
5	Tài sản lưu động khác	471.400.800	471.400.800	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	1.623.407.665	1.623.407.665
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN SỰ NGHIỆP	-	-	-
C	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
D	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
E	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-
F	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)	21.719.091.538	29.721.834.331	8.002.742.793

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	Trong đó:			
G	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	21.719.091.538	29.721.834.331	8.002.742.793
G1	Nợ thực tế phải trả	11.215.484.442	11.215.484.442	-
H	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	10.503.607.096	18.506.349.889	8.002.742.793

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

1. Khái lược về Phương án cổ phần hóa của Công ty

1.1. Căn cứ pháp lý cổ phần hóa

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 26/05/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/09/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 7/11/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy trình, kế hoạch thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Tổ chuyên giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 02/QĐ-BCĐCPH ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/02/2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án sắp xếp lao động của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

1.2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi nhằm đạt được mục tiêu và ý nghĩa sau đây:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo hướng Xã hội chủ nghĩa của Nhà nước. Trong đó, cổ phần hóa là nội dung quan trọng để chuyển đổi những Công ty 100% vốn Nhà nước sang loại hình Doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động các nguồn vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế.
- Tạo điều kiện huy động vốn từ nhiều nguồn để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển Doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và các cổ đông Công ty trở thành người chủ thực sự của Doanh nghiệp. Tăng cường sự giám sát của Nhà đầu tư đối với Doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động của Doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, Doanh nghiệp, Nhà đầu tư và Người lao động.
- Không ngừng phát triển Doanh nghiệp về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần tăng trưởng nền kinh tế

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

của đất nước.

1.3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND Tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

1.4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là: **Bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại Công ty.**

2. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

2.1. Thông tin doanh nghiệp.

Tên Công ty viết bằng : **Công ty cổ phần Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi**
tiếng Việt

Tên Công ty viết tắt bằng : **Công ty cổ phần Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi**
tiếng Việt

Tên Công ty bằng tiếng : **Nguyen Van Troi Forestry Joint Stock Company**
Anh

Trụ sở chính : Xóm Dân Chủ, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên
Quang

Điện thoại : 02073.878.203

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Email : ctylnnguyenvantroi@gmail.com

2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa :

Bảng số 10: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210 (chính)
2	Ươm giống cây lâm nghiệp	02101
3	Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp	0221
4	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1622
6	Sản xuất bao bì từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1623
7	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
8	Tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán công trình lâm sinh (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

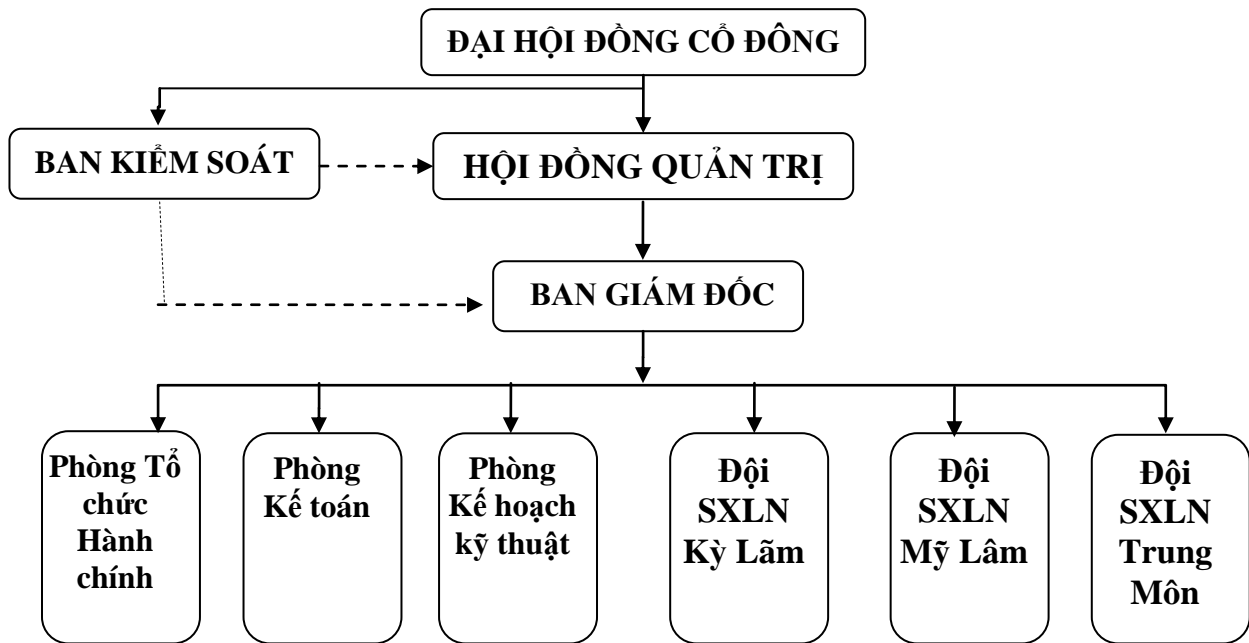
(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

2.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

- Hội đồng quản trị: 03 người. Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm
- Ban Giám đốc: 02 người, trong đó: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc
- Ban kiểm soát: 03 người.
- Các phòng:
 - + Kế hoạch - Kỹ thuật: 04 người
 - + Tổ chức hành chính: 02 người
 - + Kế toán: 03 người
- Đội sản xuất: 03 Đội **Đội SXLN Trung môn, Mỹ Lâm, Kỳ Lãm: 31 người**

Sơ đồ số 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1. Quy mô vốn điều lệ:

Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 để cổ phần hóa: 29.721.834.331 đồng.

Trong đó:

Nợ thực tế phải trả là: 11.215.484.442 đồng

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 18.506.349.889 đồng

(Bằng chữ: Mười tám tỷ, năm trăm linh sáu triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Công ty chọn hình thức cổ phần hóa là **Bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại Công ty.**

- Vốn điều lệ: 18.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ năm trăm triệu đồng)
- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 1.850.000 cổ phần

3.2. Cơ cấu vốn điều lệ:

Bảng số 11: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	-	-	-
2	Bán cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	68.800	688.000.000	3,72%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	38.600	386.000.000	2,09%
2.2	Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	30.200	302.000.000	1,63%
3	Cổ phần tổ chức Công đoàn	-	-	-
4	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác	1.781.200	17.812.000.000	96,28%
Tổng Cộng		1.850.000	18.500.000.000	100%

4. Phương thức chào bán cổ phần

4.1. Cổ phần bán cho người lao động

✚ Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: *người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phân vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác* được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng **60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần)**.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2016), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 45 lao động. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- **Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại** : 45 lao động

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn : 43 lao động
thời gian làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: : 02 lao động
- Tổng số CBCNV đăng ký mua cổ phần : 35 người (*Có phụ lục kèm theo*)
ưu đãi
- Tổng số cổ phần mua theo thời gian làm : 38.600 cổ phần tương đương giá trị
việc trong khu vực nhà nước 386.000.000 đồng tính theo mệnh giá
chiếm 2,09% vốn điều lệ CTCP
- Giá bán (10.000 đồng/cổ phần x 60%) : 6.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ
phần ưu đãi.

Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến tới người lao động chính sách mua cổ phần của người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi. Phương án mua thêm cổ phần đối với Người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần như sau:

* Tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên;
- Giữ chức vụ trưởng Phòng, Đội trưởng trở lên tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

* Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:

- Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần : **42 người**
- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP : **18 người**
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo số năm cam kết : **30.200 cổ phần** – tương đương giá trị 302.000.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 1,63% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán : Giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 68.800 cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện **sau khi thực hiện bán đấu giá công khai.**

4.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, “*Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ*”. Tuy nhiên, kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

4.3. Cổ phần chào bán ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu : **1.781.200 cổ phần** (tương ứng với 17.812.000.000 đồng giá chiếm 96,28% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)
- Giá khởi điểm : **12.500 đồng/cổ phần (làm tròn số)** (Theo Chứng thư thẩm định giá số 835-18/CT-ĐG/ĐG-VAE ngày

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- 21/5/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam)
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá cổ phần : **Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**
Tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần : **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội** – Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Thời gian bán đấu giá : Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá.
 - Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

5. Dự toán chi phí cổ phần hóa

Bảng số 12: Dự toán chi phí cổ phần hóa

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Chi phí trực tiếp tại Doanh nghiệp	411.000.000	
1	Chi phí thuê đơn vị tư vấn kiểm kê xác định giá trị doanh nghiệp	82.500.000	
2	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp: Chi phí hội nghị CNVC để triển khai CPH doanh nghiệp: 45 người x 100.000đ/người	4.500.000	
3	Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm để bán cổ phần	33.000.000	
4	Chi phí thuê đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ, bán cổ phần lần đầu	77.000.000	
5	Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính từ thời điểm xác định GTDN đến thời điểm chấm dứt hoạt động doanh nghiệp nhà nước	55.000.000	
6	Chi phí hợp tổ chuyên viên giúp việc triển khai hướng dẫn công tác CPH tại DN:	2.000.000	
	- Tổ chuyên viên: 7 người x 200.000 đồng; Tổ giúp việc tại DN: 3 người x 200.000 đồng	2.000.000	
7	Chi hợp thẩm định giá trị doanh nghiệp (12 người x 500.000 đồng)	6.000.000	
8	Chi phí quảng cáo bán đấu giá cổ phần trên báo địa phương và Trung ương	12.000.000	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

9	Phí bán cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	85.000.000	
10	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu (42 người x 150.000đ/người + Đại biểu; Hoa tươi, ma kết, băng zôn, nước uống ...)	15.000.000	
11	Chi phí văn phòng phẩm, in ấn tài liệu phục vụ CPH tại DN	5.000.000	
12	Chi phí làm thêm giờ xác định GTDN + Chi phí khác	34.000.000	
II	Chi phí cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	189.000.000	
1	Chi thù lao cho Ban chỉ đạo CPH của tỉnh (6 người)	73.500.000	
-	<i>Trưởng ban, phó ban Sở Tài chính (2 người x 1.500.000 x 12 tháng)</i>	<i>36.000.000</i>	
-	<i>Phó ban Sở NN & PTNT (1 người x 1.500.000 đồng x 10 tháng)</i>	<i>15.000.000</i>	
-	<i>Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư (3 người x 1.500.000 đồng x 5 tháng)</i>	<i>22.500.000</i>	
2	Chi thù lao cho Tổ Chuyên viên , tổ giúp việc giúp việc tại DN (9 người x 1.500.000đ)	115.500.000	
2.1	Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo (7 người)	75.000.000	
-	<i>Sở Tài chính (2 người x 1.500.000 đồng x 12 tháng)</i>	<i>36.000.000</i>	
-	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT (1 người x 1.500.000 đồng x 6 tháng)</i>	<i>9.000.000</i>	
-	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Lao động thương binh và xã hội, Bào hiểm xã hội tỉnh (4 người x 1.500.000 đồng x 5 tháng)</i>	<i>30.000.000</i>	
2.2	Tổ chuyên viên giúp việc tại DN: (3 người)	40.500.000	
	<i>(2 người x 1.500.000 đồng x 12 tháng) + (1 người x 1.500.000 đồng x 3 tháng)</i>	<i>40.500.000</i>	
	Tổng cộng	600.000.000	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là **10.000 đồng/cổ phần**, chi tiết như sau:

Bảng số 13: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá trị (đồng)
1. Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)		18.506.349.889
2. Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	1.850.000	18.500.000.000
3. Giá trị chênh lệch vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại và vốn Điều lệ công ty phải nộp ngân sách	3=(1-2)		6.349.889
4. Vốn nhà nước tại công ty cổ phần		0	0
5. Giá trị cổ phần phát hành thêm		0	0
6. Tiền thu được từ bán cổ phần	6= (6a +6b +6c +6d + 6e)		22.874.100.000
- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho người lao động (38.600 cổ phần x 6.000 đồng/cổ phần)	6a	38.600	231.600.000
- Từ bán cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần (30.200 cổ phần x 12.500 đồng/cổ phần)	6b	30.200	377.500.000
Bán cho tổ chức công đoàn	6c	0	0
Bán cho đối tác chiến lược	6d	0	0
Bán đấu giá công khai lần đầu (Giả định bán đấu giá thành công 1.781.200 cổ phần với giá là 12.500 đồng/cổ phần)	6e	1.781.200	22.265.000.000
7. Chi phí cổ phần hóa	(7)		600.000.000
8. Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(8)		0
9. Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN	9=(3+6)-(7+8)		22.280.449.889

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

kiến phương án sắp xếp lại lao động khi cổ phần hóa công ty như sau:

Bảng số 14: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	45	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	42	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	41	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	1	
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	-	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	-	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	03	-
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	42	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	-	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	42	
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH	-	-
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	-	-
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	-	-

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lao động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

Bảng số 15: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	42	100%
1. Phân theo trình độ lao động	42	100%
- Trình độ Đại học và trên đại học	12	28,57%
- Trình độ cao đẳng	0	0%
- Trình độ trung cấp	2	4,76%
- Công nhân kỹ thuật	24	57,14%
- Lao động phổ thông	4	9,53%

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2. Phân theo loại hợp đồng lao động	42	100%
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	2	4,76%
Lao động làm việc theo HĐLĐ	40	95,24%
– HĐLĐ không thời hạn	39	92,86%
– HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	1	2,38%
– HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	0%
3. Phân theo giới tính	42	100%
- Nam	29	69%
- Nữ	13	31%

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lao động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng

Bảng số 16: Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Trong đó (ha)			
				SD đúng mục đích	SD không đúng mục đích	Không sử dụng	Đang giao khoán, cho thuê, mượn, liên doanh và đang có tranh chấp
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	1.333,58	100,00	836,68	181,87	52,61	262,42
1	Đất nông nghiệp	1.328,69	99,63	835,97	181,87	51,57	259,28
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	0,88	-	-	0,52	11,15
1.1.1	Đất trồng lúa	0,90	0,07	-	-	-	0,90
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,77	0,81	-	-	0,52	10,25
1.2	Đất trồng cây lâu năm	257,30	19,29	-	181,87	51,02	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	1.058,04	79,34	834,53	-	-	223,51
1.3.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	51,70	3,88	51,70	-	-	-
1.3.2	Đất có rừng trồng sản xuất	1.005,82	75,42	782,31	-	-	223,51

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1.3.3	Đất trồng rừng sản xuất	0,52	0,04	0,52	-	-	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	0,02	-	-	-	0,24
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,44	0,11	1,44	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	4,89	0,37	0,71	-	1,04	3,14
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,65	0,12	0,71	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	0,01	-	-	0,10	-

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

2. Diện tích đất giữ lại sử dụng

Bảng số 17: Diện tích đất giữ lại sử dụng

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Trong đó (ha)	
			Giao đất không thu tiền SDD	Thuê đất
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	1.007,75	51,70	956,05
1	Đất nông nghiệp	1.007,04	51,70	955,34
1.1	Đất trồng cây lâu năm	181,87		181,87
1.2	Đất rừng sản xuất	823,73	51,70	772,03
1.2.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	51,70	51,70	-
1.2.2	Đất có rừng trồng sản xuất	771,51		771,51
1.2.3	Đất trồng rừng sản xuất	0,52		0,52
1.3	Đất nông nghiệp khác	1,44		1,44
2	Đất phi nông nghiệp	0,71		0,71
2.1	Đất thương mại, dịch vụ (Văn phòng công ty 0,09ha; Văn phòng đội Kỳ Lâm 0,23ha; Văn phòng đội Trung Môn 0,16ha; Văn phòng đội Mỹ Lâm 0,23ha.	0,71		0,71

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

3. Diện tích đất trả lại địa phương

Bảng số 18: Diện tích đất trả lại địa phương

STT	Loại đất	Diện tích	Trong đó (ha)
-----	----------	-----------	---------------

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

		(ha)	Dôi ra do thu hẹp nhiệm vụ	Không sử dụng	Đất có tranh chấp, lấn chiếm
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	325,83	10,80	52,61	262,42
1	Đất nông nghiệp	321,65	10,80	51,57	259,28
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	-	0,52	11,15
1.1.1	Đất trồng lúa	0,90	-	-	0,90
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,77	-	0,52	10,25
1.2	Đất trồng cây lâu năm	75,43	-	51,05	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	234,31	10,80	-	223,51
1.3.1	Đất có rừng trồng sản xuất	234,31	10,80	-	223,51
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	-	-	0,24
2	Đất phi nông nghiệp	4,18	-	1,04	3,14
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,94	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	-	0,10	-

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

Bảng số 19: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Loại đất	Tổng diện tích chuyển mục đích (ha)	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm (ha)		
			Quý IV Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	181,87	181,87		
1.1	Đất trồng cây lâu năm sang trồng cây lâm nghiệp	181,87	181,87		

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ hội và thách thức

Cơ hội

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội

Đầu ra sản phẩm thuận lợi do trên địa bàn có Công ty cổ phần giấy An Hoà, đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thách thức

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.

Hiện nay, xu hướng công nghiệp phát triển mạnh ở các khu vực lân cận đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, điều này gây khó khăn cho công ty trong việc huy động lao động thực hiện cho công việc trong từng giai đoạn sản xuất kinh doanh, làm tăng chi phí thuê nhân công ngoài.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, biến đổi khí hậu, sâu bệnh ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm.

2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.

2.1. Mục tiêu phát triển sản xuất

- Xây dựng Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.

- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.
- rà soát lại tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty để có giải pháp kịp thời tiếp tục phát huy các ngành nghề sẵn có đã và đang đem lại hiệu quả: trồng rừng, chăn nuôi dưới tán, trồng xen trong vườn cây lâu năm,...
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao
- Cải tiến quy trình kỹ thuật, lựa chọn loài cây phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2. Định hướng phát triển

Với uy tín trong ngành lâm nghiệp, sau cổ phần hóa Công ty sẽ vẫn tiếp tục phát huy những thế mạnh, tiềm lực sẵn có, giữ vững ngành nghề truyền thống là trồng rừng, khai thác chế biến gỗ, chế biến và kinh doanh sản phẩm từ gỗ. Bên cạnh đó sẽ mở rộng và phát triển thêm một số ngành nghề dịch vụ nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là trồng rừng và khai thác lâm sản; Kinh doanh, chế biến gỗ các loại và thực hiện các hoạt động dịch vụ gắn liền với du lịch sinh thái và môi trường.

2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Bảng số 20: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch				
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Rừng khai thác		Rừng trồng năm 2005 + 2006 + 2012	Rừng trồng năm 2013	Rừng trồng năm 2014	Rừng trồng năm 2015	Rừng trồng năm 2016
2	Diện tích khai thác	ha	70,4	58,06	79,39	115,06	130,69
3	Sản lượng khai thác	m ³	5.632,00	4.644,80	6.351,20	10.355,40	11.762,10
4	Giá bán	Đồng	800.000	840.000	880.000	920.000	960.000
5	Doanh thu	Đồng	4.505.600.000	3.901.632.000	5.589.056.000	9.526.968.000	11.291.616.000
6	Giá vốn	Đồng	2.660.865.870	1.832.963.718	3.513.561.533	4.094.813.288	4.713.673.394
7	Chi phí QLDN	Đồng	1.500.000.000	1.575.000.000	1.653.750.000	1.736.437.500	1.823.259.375
8	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	344.734.130	493.668.282	421.744.467	3.695.717.212	4.754.683.231
9	Thuế TNDN	Đồng	68.946.826	98.733.656	84.348.893	739.143.442	950.936.646
10	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	275.787.304	394.934.626	337.395.574	2.956.573.770	3.803.746.585
11	Lao động	Người	42	42	42	42	42
12	Thu nhập bình quân	trđ/người/tháng	7,5	7,8	8,2	8,6	9,0
13	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5	5	5	5	5

(Nguồn: Công ty TNHH mới thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

3. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Năng suất rừng trồng đạt trên 100m³/ha/chu kỳ
- Đầu tư cho chế biến lâm sản để nâng cao giá trị

4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa.

Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

- Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.
- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và cán bộ công nhân viên. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần không có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
 - Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
 - Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu
-

hút nguồn nhân lực.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố nhân sự một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

Về lao động

- Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ, tay nghề và phẩm chất tốt về làm việc. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.
- Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách với người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như: phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.
- Thực hiện cơ chế khoán: Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bổ sung và hoàn thiện cơ chế khoán; đặc biệt là khoán trả lương theo công việc và khoán trả lương theo sản phẩm trong Công ty nhằm khuyến khích, thúc đẩy, động viên lao động có cống hiến, đóng góp phát triển doanh nghiệp; đảm bảo công bằng trong chi trả thu nhập. Xây dựng thang lương, bảng lương phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty để làm cơ sở thực hiện khoán tiền lương như trên.

Quản lý nguồn vốn và tài chính

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;
- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty sẽ tăng cường những biện pháp quản lý theo dõi nợ phải thu. Rà soát, kiểm tra đốc thúc thu hồi công nợ nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Với các khoản nợ phải trả thì cần phải rà soát ưu tiên cho việc thanh toán và trả các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ theo lộ trình, cam kết, từng bước hoàn thiện các cán cân về tỷ số tài chính.
- Đối với hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh: Thực hiện việc thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc lạc hậu, xây dựng, cải tạo, mở rộng quy mô nhà xưởng chế biến, đầu tư và mua sắm máy móc, thiết bị đảm bảo chất lượng, hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất.
- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Triển khai các biện pháp xây dựng dự toán chi phí, định mức nguyên nhiên liệu, nhân công. Xây dựng các qui chế quản lý về chi phí, đảm bảo các định mức sản xuất phù hợp. Tiến hành xây dựng và ban hành qui chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu từ đó để giảm giá thành sản xuất, nâng cao lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh, thực hiện các chính sách thưởng, phạt trong việc thực hiện tiết kiệm chi phí, tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

Chế biến lâm sản

- Bán thành phẩm gỗ rừng trồng: cung cấp các loại phôi cho các cơ sở sản xuất gỗ ghép thanh và xuất khẩu, chủng loại gỗ là keo.
- Sản phẩm sơ chế: chủ yếu là gỗ keo phân có đường kính nhỏ và cành ngọn, gỗ phẩm cấp xấu. Sản phẩm chính là gỗ vụn cung cấp cho cơ sở sản xuất viên nén từ gỗ hoặc dăm gỗ cung cấp cho các cơ sở xuất khẩu hoặc sản xuất giấy, ván ép...

Giải pháp về quản lý và sử dụng rừng


Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất:

Căn cứ điều kiện về thổ nhưỡng, địa hình, giao thông, xã hội... Công ty dự kiến các loại cây để trồng rừng sản xuất cung cấp gỗ nguyên liệu cho hoạt động chế biến trong hiện tại cũng như kế hoạch lâu dài như sau:

PHƯƠNG ÁN CỎ PHÂN HÓA

- Loài cây trồng chính hiện nay cũng như dự kiến đến năm 2020, lộ trình đến 2030 vẫn là Keo lai có nguồn gốc xuất xứ, thời gian thu hoạch khoảng từ 7-8 năm nhưng có thể kéo dài từ 8- 10 năm để cho nhiều gỗ lớn hơn; sở dĩ Công ty chọn keo lai là vì:
 - + Thứ nhất: thị trường tiêu thụ các sản phẩm gỗ keo tương đối ổn định với sản lượng lớn từ nhiều năm nay; dự báo sẽ vẫn thuận lợi trong giai đoạn 10 năm tới.
 - + Thứ hai: các giống keo lai sinh trưởng phát triển nhanh, chu kỳ ngắn. Công ty đã trồng thử nghiệm và so sánh thì có hiệu quả hơn cả.
- Loài cây trồng thứ hai là: bạch đàn được trồng ở những vị trí đất xấu tro sỏi đá, với chu kỳ kinh doanh từ 5-6 năm, sản phẩm phục vụ cho chế biến bột giấy.
- Phương thức trồng rừng: tất cả các loài cây trồng trên đều được trồng thâm canh bón phân NPK, lượng phân bón tùy điều kiện chất đất, địa hình, mục đích kinh doanh để quyết định; ngoài ra có thể còn được kết hợp trồng xen các loài cây dược liệu trên diện tích trồng rừng gỗ lớn hoặc dưới tán rừng tự nhiên như: Ba kích, thảo quả...nhằm kinh doanh tổng hợp từ rừng.

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ:

- Đối với diện tích rừng tự nhiên: Công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước. Nhiệm vụ chính là quản lý, bảo vệ để duy trì chức năng phòng hộ, điều hoà nguồn nước chống silt mòn, lũ quét, bảo tồn đa dạng sinh học... dự kiến khi Nhà nước có chủ trương xã hội hoá đầu tư bảo vệ phát triển rừng phòng hộ, Công ty sẽ căn cứ tình hình thực tế để đề xuất với cơ quan chức năng cho phép đầu tư trồng các loại cây dược liệu dưới tán rừng trên những điều kiện lập địa cho phép.
 - Đối với diện tích rừng trồng: với hai loài cây là keo lai và bạch đàn. Phương pháp quản lý và tổ chức sản xuất Công ty đề nghị Chính phủ sớm ban hành Quy chế quản lý sử dụng rừng phòng hộ theo hướng xã hội hoá đầu tư bảo vệ phát triển rừng phòng hộ là rừng trồng; trong đó cần có cơ chế thông thoáng, hợp lý hơn đối với việc sử dụng rừng phòng hộ là rừng trồng để có nguồn vốn tái đầu tư cho trồng mới và trồng lại rừng phòng hộ có cơ cấu cây trồng hợp lý hơn, có năng suất, chất lượng cao hơn; vừa phát huy chức năng phòng hộ vừa phát huy giá trị kinh tế.
 - Duy trì hoạt động bảo vệ rừng, chăm sóc rừng, thường xuyên tuần tra canh gác phát hiện xử lý kịp thời những hành vi xâm hại tới rừng, hoàn thiện hệ thống đường băng cản lửa đảm bảo phòng chống cháy rừng.
-  **Giải pháp về công nghệ**
- Đầu tư nâng cấp thiết bị, nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hoá; đa dạng các sản phẩm hàng hoá để phù hợp với thị hiếu của khách hàng.
-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Ưu tiên sử dụng “công nghệ thân thiện với môi trường” trong sản xuất chế biến gỗ. Thực hiện sản xuất theo chuỗi hành trình sản phẩm khép kín từ khâu chọn giống, trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch cho đến khi ra sản phẩm cuối cùng khâu chế biến.

Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, chọn lọc và lai tạo các giống cây trồng rừng có giá trị kinh tế cao, sức sống khoẻ phù hợp với nhiều điều kiện thổ nhưỡng và có khả năng kháng sâu bệnh cao

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi được UBND Tỉnh Tuyên Quang phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện đề án theo kế hoạch tiến độ cụ thể như sau:

1. Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và tổ chức thu tiền của các Nhà đầu tư trúng đấu giá.

2. Tổ chức bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên với giá 6.000 đồng/cổ phần theo quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

3. Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có).

4. Báo cáo kết quả bán cổ phần ra bên ngoài cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Tuyên Quang sau khi hoàn thành việc bán cổ phần.

5. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập sau khi hoàn thành việc bán đấu giá cổ phần.

6. Đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần.

7. Tiến hành các thủ tục quyết toán, bàn giao vốn và tài sản sang Công ty cổ phần.

2. Đề xuất, kiến nghị.

Để sớm ổn định tổ chức và kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi kính đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang và các Sở Ban ngành ban hành các quy định, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp khi mới chuyển đổi sang Công ty cổ phần hoạt động được thuận lợi, ổn định, cụ thể:

Thứ nhất, Để quá trình cổ phần hóa thành công và nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp tỉnh và UBND tỉnh Tuyên Quang cho ý kiến về việc sớm phê duyệt phương án cổ phần theo hình thức, quy mô và cơ cấu vốn điều lệ mà doanh nghiệp đã cân nhắc và lựa chọn phù hợp với chủ trương định hướng của

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định lâu dài sau khi chuyển thành công ty cổ phần nhằm tạo điều kiện ổn định về công việc cho cán bộ công nhân viên lao động yên tâm làm việc và đơn vị sau cổ phần hóa, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ ba, Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo phương án, kính đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi thành Công ty cổ phần theo quy định.

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, nâng cao năng lực quản trị của công ty, thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Ban đổi mới doanh nghiệp xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Kính trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Tuyên Quang, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp xem xét, quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 05 năm 2018

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



Handwritten signature in blue ink.

NGUYỄN VĂN TRUNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2018

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
TỔNG GIÁM ĐỐC



Handwritten signature in blue ink.

TRẦN THỊ THU HƯƠNG